TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM TRỰC** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2024/HS-ST
Ngày: 19-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hà - Cán bộ hưu trí;

2. Bà Nguyễn Thị Yến - Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản HCM huyện Nam Trực.

- Thư ký phiên toà: Ông Đoàn Minh Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Là - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Trực - Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 78/2024/TLST- HS ngày 25 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên **Phạm Văn T,** sinh ngày 24 tháng 8 năm 2007; Nơi sinh: xã H, huyện H1, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: xóm C, xã H, huyện H1, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 8/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; con ông Phạm Văn T, sinh năm 1984 và con bà Ngô Thị D, sinh năm 1986; gia đình bị cáo có 04 chị em, bị cáo là thứ hai; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; *"có mặt";*

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1984 và bà Ngô Thị D, sinh năm 1986. Địa chỉ: Xóm C, xã H, huyện H1, tỉnh Nam Định (là bố mẹ đẻ bị cáo) *"có mặt";*

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Hồng - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Nam Định *"có mặt";*

Bị hại: Ông Nguyễn Văn N (đã chết);

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Bà Bùi Thị M, sinh năm 1972 (vợ của bị hại); *"vắng mặt"*

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1994 (con đẻ của bị hại); *"vắng mặt"*

3. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1996 (là con đẻ của bị hại); *"vắng mặt"*

4. Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1999 (con đẻ của bị hại); *"vắng mặt"*

Cùng địa chỉ: Tổ 16, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Bùi Thị M, chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị Vân A: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1994. Địa chỉ: Tổ 16, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định *"vắng mặt"*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 8 giờ 37 phút ngày 05/8/2024, Phạm Văn T, sinh ngày 24/8/2007, trú tại xóm C, xã H, huyện H1, tỉnh Nam Định không có giấy phép lái xe mô tô hạng A1 theo quy định, điều khiển xe mô tô biển số 18B1-554.71 có dung tích 150cm^3 chở theo Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 30/10/2006, ở xóm X, xã H, huyện H1, tỉnh Nam Định theo hướng huyện N1 đi thành phố N. Khi đi đến km 6+200 tỉnh lộ 490C thuộc địa phận thôn P, xã N1, huyện N, tỉnh Nam Định, do không chú ý quan sát, vượt xe không đảm bảo an toàn khi xe chạy phía trước chưa tránh về bên phải, vượt xe tại nơi đường giao nhau đã xô vào xe mô tô biển số 18S4-7461 do ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1968, trú tại tổ dân phố số 16, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định điều khiển phía trước đi cùng chiều đang chuyển hướng rẽ trái. Hậu quả, ông Nguyễn Văn N bị chấn thương sọ não được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh N. Đến 3 giờ 25 phút ngày 06/8/2024, ông N chết do chấn thương vỡ hộp sọ, chảy máu nội sọ.

Sau khi xảy ra vụ tai nạn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã tiến hành khám nghiệm hiện trường vụ tại nạn và khám nghiệm phương tiện, tạm giữ vật chứng gồm: 01 xe mô tô biển số 18S4-7461, nhãn hiệu Honda Wave, dung tích 100cm3, màu sơn xanh; 01 Giấy phép lái xe hạng A1, số P944809 mang tên Nguyễn Văn N do Sở Giao thông vận tải tỉnh N cấp; 01 đăng ký xe mô tô biển số 18S4-7461 mang tên Bùi Văn C; 01 xe mô tô biển số 18B1-554.71, nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu trắng đỏ, dung tích 150cc của Phạm Văn T. Kiểm tra nồng độ cồn và chất gây nghiện của Phạm Văn T. Kết quả định lượng cồn trong máu là 0.000mg/L và âm tính với chất gây nghiện.

Ngoài ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N còn thu giữ 01 đoạn video tại camera giám sát ghi lại diễn biến vụ tai nạn xảy ra tại km 6+200 tỉnh lộ 490C thuộc địa phận thôn P, xã N1, huyện N, tỉnh Nam Định, niêm phong trong phong bì thư, ký hiệu A.

* Tại bản kết luận giám định pháp y tử thi số 1424/KLGĐTT-KTHS ngày 22/8/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định, kết luận: Nạn nhân Nguyễn Văn N chết do chấn thương vỡ hộp sọ, chảy máu nội sọ.

* Tại bản kết luận định giá tài sản số 36/KLĐG ngày 27/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện N kết luận:

- Giá trị thiệt hại của 01 xe mô tô biển số 18B1-554.71, nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu trắng đỏ, dung tích 150cc, tổng chiều dài 197cm tại tại thời điểm xảy ra sự việc có giá trên thị trường là 1.550.000 đồng.

- Giá trị thiệt hại của 01 xe mô tô biển số 18S4-7461, nhãn hiệu Honda Wave, dung tích 100cm3, màu sơn xanh, chiều dài tổng thể 190cm tại thời điểm xảy ra sự việc có giá trên thị trường là 400.000 đồng.

* Tại bản kết luận giám định số 1440/KL-KTHS, ngày 31/8/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định, kết luận:

- Không phát hiện thấy dấu vết bị cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong toàn bộ mẫu cần giám định (Ký hiệu: A).

- Tốc độ của xe mô tô biển số 18B1-554.71 tại thời điểm 08h32’01” ngay trước khi xảy ra va chạm trong mẫu giám định (Ký hiệu: A) là 59,11Km/h (±2,36Km/h).

- Tốc độ của xe mô tô biển số 18S4-7461 tại thời điểm 08h32’01” ngay trước khi xảy ra va chạm trong mẫu giám định (Ký hiệu: A) là 13,14Km/h (±0,53Km/h).

- Không đủ cơ sở để xác định điểm, vị trí va chạm giữa xe mô tô biển số 18B1-554.71và xe mô tô biển số 18S4-7461 trên phương tiện trong mẫu giám định. (Ký hiệu: A).

- Điểm, vị trí va chạm giữa xe mô tô biển số 18B1-554.71 và xe mô tô biển số 18S4-7461 nằm trên phần đường bên trái theo chiều chuyển động của xe mô tô biển số 18B1-554.71 trong mẫu cần giám định.

Quá trình điều tra xác định: Vị trí va chạm giữa xe mô tô biển số 18B1-554.71 với xe mô tô biển số 18S4-7461 nằm ở phần đường dành cho các phương tiện di chuyển trên đường tỉnh 490c theo hướng thành phố N đi huyện N1, ngay phía trước điểm đầu vết cày thứ nhất (1) tại hiện trường.

Nguyên nhân xảy ra tai nạn là do Phạm Văn T điều khiển xe mô tô khi không có giấy phép lái xe, đi không chú ý quan sát, vượt xe không đảm bảo an toàn khi xe chạy phía trước chưa tránh về bên phải, vượt xe tại nơi đường giao nhau, vi phạm khoản 9 Điều 8; khoản 2, điểm d khoản 5, Điều 14 Luật Giao thông đường bộ.

Về trách nhiệm dân sự: Phạm Văn T cùng gia đình đã khắc phục, bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại số tiền 10.000.000 đồng, đại diện hợp pháp của người bị hại không có yêu cầu bồi thường thêm về dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Phạm Văn T.

Tại Cơ quan điều tra Phạm Văn T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 82/CT-VKS ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Phạm Văn T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N thực hành quyền công tố tại phiên toà: giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 91, Điều 101 và Điều 65 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 21 tháng đến 27 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 42 tháng đến 54 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân xã H, huyện H1 giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự các bên đã tự nguyện thống nhất giải quyết xong với nhau về dân sự nên về trách nhiệm dân sự không đề cập giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, buộc bị cáo Phạm Văn T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

* *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T trình bày:* Trên cơ sở nghiên cứu hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, người bào chữa thấy Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, khi phạm tội bị cáo mới 16 tuổi 11 tháng 12 ngày nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; Sau khi phạm tội đã tự nguyện cùng gia đình khắc phục và bồi thường thiệt hại cho đại diện bị hại; bị cáo có đơn đề nghị hoàn cảnh gia đình kinh tế khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương và đại diện hợp pháp bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101 và Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức đề xuất của đại diện Viện kiểm sát và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Bị cáo và đại diện hợp pháp của bị cáo không bổ sung gì đối với quan điểm bào chữa của bà Nguyễn Thị Hồng.

Phần tranh luận tại phiên tòa: Kiểm sát viên, bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo và trợ giúp viên pháp lý không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xác nhận Viện kiểm sát đã truy tố đúng hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, bị cáo ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo xin được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt. Tuy nhiên trong hồ sơ vụ án thể hiện đầy đủ lời khai của họ trong quá trình điều tra. Việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án do đó căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên toà, bị cáo khai nhận về hành vi đã thực hiện đúng như cáo trạng truy tố và thừa nhận đã phạm tội. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với các chứng cứ như: Biên bản khám nghiệm hiện trường; biên bản khám nghiệm tử thi; bản giám định pháp y; lời khai của đại diện hợp pháp của bị hại, người làm chứng và các tài liệu khác đã được lưu trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 8 giờ 37 phút ngày 05/8/2024, tại km 6+200 TL 490C thuộc địa phận thôn P, xã N1, huyện N, tỉnh Nam Định; Phạm Văn T không có giấy phép lái xe mô tô hạng A1 theo quy định, điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 18B1-554.71 có dung tích 150cm^3 chở theo Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 30/10/2006, ở xóm X, xã Hải Hoà, huyện H1 theo hướng N1 đi thành phố Nam Định. Do không chú ý quan sát, vượt xe không đảm bảo an toàn khi xe chạy phía trước chưa tránh về bên phải, vượt xe tại nơi đường giao nhau, đã xô vào xe mô tô biển kiểm soát 18S4-7461 do ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1968, trú tại tổ dân phố số 16, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định điều khiển phía trước cùng chiều đang rẽ trái. Hậu quả, ông Nguyễn Văn N bị ngã và bị thương tích, được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh N. Đến 03 giờ 25 phút ngày 06/8/2024, ông N chết do chấn thương vỡ hộp sọ, chảy máu nội sọ.

Hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Văn T đã có đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực đã truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Văn T thì thấy: Bị cáo không có giấy phép lái xe theo quy định, là người chưa đủ tuổi và điều kiện để điều khiển phương tiện giao thông. Nhưng đủ khả năng nhận thức được rằng, khi điều khiển phương tiện giao thông, nếu không tuân thủ đúng quy định của pháp luật về giao thông đường bộ thì sẽ dễ gây ra tai nạn dẫn đến hậu quả và hệ lụy khôn lường. Quá trình điều khiển xe mô tô do bị cáo không chú ý quan sát, vượt xe không đảm bảo an toàn khi xe chạy phía trước chưa tránh về bên phải, vượt xe tại nơi đường giao nhau nên đã xô vào bên trái xe mô tô do ông Nguyễn Văn N điều khiển phía trước cùng chiều đang rẽ trái. Gây hậu quả nghiêm trọng làm ông Nam tử vong là vi phạm quy định tại khoản 9 Điều 8; khoản 2, điểm d khoản 5, Điều 14 Luật Giao thông đường bộ. Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm đến sự an toàn của các phương tiện tham gia giao thông đường bộ mà còn xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác được Nhà nước và pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự trị an xã hội. Do đó cần phải xử lý nghiêm nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Về trách nhiệm dân sự, bị cáo cùng gia đình đã tự nguyện khắc phục bồi thường thiệt hại và cùng lo tổ chức mai táng cho bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại có đơn đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Bị cáo có đơn trình bày hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương nên xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử thấy: bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên có đủ điều kiện áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, cho bị cáo hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Khi phạm tội bị cáo mới 16 tuổi 11 tháng 12 ngày, nhận thức pháp luật còn hạn chế nên xem xét cho bị cáo được hưởng các quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội tại khoản 1, khoản 6 Điều 91 và Điều 101 Bộ luật Hình sự.

[5] Từ những phân tích trên, xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo từ trước tới nay luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người công dân, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên xem xét cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương, phù hợp với quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự, cũng đảm bảo mục đích của hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo cùng gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại cho đại diện gia đình bị hại tổng số tiền 10.000.000 đồng. Đại diện hợp pháp của bị hại đã nhận số tiền trên, không có yêu cầu đề nghị gì thêm về phần dân sự nên về phần trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng của vụ án:

Quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại 01 xe mô tô biển số 18S4-7461, 01 Giấy phép lái xe hạng A1, 01 đăng ký xe mô tô biển số 18S4-7461 cho anh Nguyễn Văn T là người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn N. Đại diện gia đình bị hại không có yêu cầu bồi thường về tài sản và tự nguyện khắc phục, sửa chữa.

Đối với 01 xe mô tô biển số 18B1-554.71, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 18B1-554.71, qua xác minh là tài sản hợp pháp và là giấy tờ có giá trị của Phạm Văn T nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại cho T là phù hợp.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, người bào chữa có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91; Điều 101 và Điều 65 Bộ luật Hình sự.

1.1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ";

1.2. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 21 (hai mươi mốt) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 42 (bốn mươi hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Văn T cho Uỷ ban nhân dân xã H, huyện H1, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

1.3. Căn cứ điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" của Công an huyện N, tỉnh Nam Định đối với bị cáo Phạm Văn T.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Buộc bị cáo Phạm Văn T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Công an huyện;
- Thi hành án HS;
- Bị cáo;
- Đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Đại diện hợp pháp của bị hại;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thúy Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hà **Nguyễn Thị Yến**